

Thứ năm, ngày 6 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

Dòng tiền đầu tư suy yếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/8/2020		•	
Tuần 3/8-7/8/2020		•	
Tháng 8/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex giằng co khi có áp lực bán chốt lời cao ở đầu phiên và cuối phiên, nhưng chỉ số vẫn đóng cửa chớm vượt trên ngưỡng 840 điểm, đánh dấu phiên tăng thứ 4 liên tiếp. Dòng tiền đầu tư suy yếu khi chỉ có 11/19 nhóm ngành tăng điểm trong phiên. Dòng tiền khối ngoại có phần suy giảm với hoạt động mua ròng nhẹ trên sàn HSX và bán ròng nhẹ tại sàn HNX. Thanh khoản thị trường giảm so với các phiên trước đó, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực, điều đó cho thấy các nhà giao dịch đang có tâm lý nghi ngờ về khả năng tiếp tục tăng điểm của chỉ số. Với tâm lý thị trường bấp bênh và dòng tiền suy giảm, dự kiến trong phiên cuối tuần chỉ số VNIndex có thể tiếp tục dao động trong biên độ hẹp, và vẫn có khả năng kiểm tra lại ngưỡng 825 điểm.

Hợp đồng tương lai: Tất cả 4 HĐTL đều giảm điểm, đi ngược lại với sự tăng điểm của chỉ số VN30. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 775 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/8/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Dầu khí_1.1%**

Phân tích kỹ thuật: LCG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.24 điểm**, đóng cửa **840.04**. HNX-Index **-0.67 điểm**, đóng cửa **113.35**.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.38)**; **SAB (+1.23)**; **GAS (+0.5)**; **VIC (+0.48)**; **VJC (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.57)**; **MSN (-0.36)**; **CTG (-0.26)**; **TCB (-0.25)**; **MBB (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,687 tỷ đồng**, **-15.86%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.6 điểm. Thị trường có **167 mã tăng**, 74 mã tham chiếu và **199 mã giảm**.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **10.74 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VNM (43 tỷ)**, **CTD (18.3 tỷ)** và **MSN (11.7 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.24 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 840.04Giá trị: 3687.94 tỷ **2.24 (0.27%)**

Khối ngoại (ròng): 10.74 tỷ

HNX-INDEX 113.35Giá trị: 392.01 tỷ **-0.67 (-0.59%)**

Khối ngoại (ròng): -2.24 tỷ

UPCOM-INDEX 56.12Giá trị: 465.78 tỷ **0.06 (0.11%)**

Khối ngoại (ròng): -6.47 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	41.8	-0.83%
Giá vàng	2,051	0.63%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,564	0.59%
Tỷ giá JPY/VND	21,942	0.02%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	30.13%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-0.28%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	43.0	NVL	-50.7
CTD	18.3	AGG	-34.7
MSN	11.7	VRE	-17.3
VCB	9.2	VJC	-8.8
HDB	8.1	CII	-7.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_1.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lịch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	8/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	1.1%	8.9%	8.9%	-1.4%	-1.4%	-24.6%	43.7%
FTSE Việt Nam	0.8%	4.6%	4.6%	2.8%	2.8%	-8.3%	28.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	5.0%	5.0%	1.7%	1.7%	3.9%	23.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	6.2%	6.2%	4.8%	4.8%	-8.1%	31.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	5.0%	5.0%	2.9%	2.9%	-10.9%	28.4%
Chiến tranh thương mại	0.5%	7.2%	7.2%	3.2%	3.2%	-10.8%	34.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.4%	6.4%	6.4%	5.2%	5.2%	-6.9%	27.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.4%	6.6%	6.6%	8.6%	8.6%	9.4%	36.0%
Đầu tư công	0.2%	9.1%	9.1%	5.9%	5.9%	-0.1%	35.5%
Corona Avengers	0.2%	8.3%	8.3%	2.0%	2.0%	-1.7%	41.0%
Hàng tiêu dùng	0.2%	6.5%	6.5%	1.7%	1.7%	-6.7%	32.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	5.2%	5.2%	0.2%	0.2%	-6.0%	33.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.0%	7.1%	7.1%	2.2%	2.2%	-18.0%	36.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	6.2%	6.2%	3.7%	3.7%	-7.9%	30.9%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	7.6%	7.6%	4.6%	4.6%	2.2%	31.8%
Lãi suất giảm	-0.1%	9.3%	9.3%	5.3%	5.3%	2.1%	36.0%
Xây dựng	-0.2%	8.0%	8.0%	5.4%	5.4%	-2.6%	34.1%
Nước & Năng lượng	-0.2%	4.8%	4.8%	5.5%	5.5%	-5.1%	29.3%
Stay-at-home	-0.2%	5.4%	5.4%	1.3%	1.3%	6.0%	38.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	5.8%	5.8%	1.9%	1.9%	-13.8%	33.6%
VN Diamond	-0.5%	4.2%	4.2%	-0.5%	-0.5%	-18.2%	34.7%
Ngân Hàng	-0.5%	6.1%	6.1%	3.1%	3.1%	-5.9%	37.7%
VN FinSelect	-0.6%	3.8%	3.8%	-0.8%	-0.8%	-11.6%	33.4%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.6%	0.2%	0.2%	7.1%	7.1%	-1.9%	24.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.6%	4.0%	4.0%	-0.5%	-0.5%	-11.5%	35.4%
Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	1.3%	7.6%	7.6%	2.6%	2.6%	-12.9%	31.7%
L11	0.9%	6.7%	6.7%	2.9%	2.9%	-8.7%	28.0%
M12	0.7%	7.0%	7.0%	2.3%	2.3%	-8.9%	29.0%
S11	0.6%	7.0%	7.0%	5.0%	5.0%	4.2%	29.5%
S21	0.5%	8.3%	8.3%	4.3%	4.3%	-9.9%	31.5%
M31	0.5%	6.6%	6.6%	2.8%	2.8%	-10.7%	34.7%
L32	0.5%	6.9%	6.9%	2.4%	2.4%	-17.4%	34.9%
M22	0.2%	6.6%	6.6%	3.3%	3.3%	-2.1%	29.4%
S32	0.1%	6.4%	6.4%	0.5%	0.5%	-18.6%	37.9%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.8%	6.4%	6.4%	0.9%	0.9%	-9.4%	29.3%
MID1	0.6%	6.1%	6.1%	4.9%	4.9%	1.3%	29.1%
HIGH3	0.2%	5.5%	5.5%	1.0%	1.0%	-12.4%	32.2%
INDEX							
VNINDEX	0.3%	5.2%	5.2%	1.8%	1.8%	-12.6%	27.8%
VN30INDEX	0.1%	5.5%	5.5%	1.4%	1.4%	-11.1%	29.1%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	8	17	17	8	17	8
Mục tiêu	9	7	2	9	0	9	0
Rủi ro	3	2	1	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 6/8

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	42.15	-0.09%	5.60%	3.60%	-15.24%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.24	0.15%	4.60%	4.60%	-19.33%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	122.50	0.18%	2.90%	-2.20%	-20.34%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	2039.71	0.08%	4.20%	13.60%	35.33%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	26.97	0.05%	14.80%	47.60%	57.16%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	878.00	-0.09%	-1.20%	-2.70%	-5.13%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	508.75	-0.39%	-3.90%	2.70%	-1.88%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.75	1.02%	-5.00%	-8.10%	15.36%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	162.48	0.69%	3.50%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.54	-1.88%	4.40%	5.10%	-5.14%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	123.40	-0.04%	7.80%	22.30%	8.53%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6494.50	0.64%	0.30%	6.00%	13.84%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	556.94	0.92%	3.70%	7.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1767.00	-0.17%	2.40%	8.10%	1.26%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	131.03	2.76%	9.50%	20.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.40	-1.48%	-0.80%	-6.20%	-30.69%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng 74 US cent (1.7%) lên 45.17 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 49 US cent (1.2%) lên 42.19 USD/thùng. Trước đó, lúc đầu phiên, cả 2 loại dầu có thời điểm tăng mạnh trên 4%.
- Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ, tồn trữ dầu thô của nước này đã giảm 7.4 triệu thùng trong tuần trước.
- Bên cạnh việc USD yếu đi khiến dầu trở nên rẻ hơn đối với những nhà đầu tư nắm giữ các loại ngoại tệ khác khi mua vào, giá dầu còn hưởng lợi bởi triển tích cực trong đàm phán giữa Nhà Trắng và Đảng Dân chủ tại Quốc hội Mỹ về gói cứu trợ mới chống Covid-19, mặc dù khoảng cách quan điểm giữa 2 bên vẫn còn xa nhau.

Giá vàng

- Sau khi vượt mốc 2,000 USD/ounce lần đầu tiên trong lịch sử (vào ngày 4/8), giá vàng giao ngay trong phiên 5/8 vượt lên mốc cao mới, có lúc đạt 2,055.1 USD/ounce, kết thúc ở mức tăng 0.9% lên 2,035,79 USD/ounce, trong khi vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 1.4% lên 2,049.3 USD/ounce, sau khi có lúc đạt 2,070.3 USD.
- Các nhà đầu tư lo ngại những gói kích thích khổng lồ sắp tới để chống Covid-19 sẽ làm gia tăng lạm phát. Lợi nhuận thực tế từ trái phiếu Mỹ đã giảm mạnh, khiến vàng trở nên đặc biệt hấp dẫn.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên tăng 0.4% lên 888 CNY (127.72 USD)/tấn vào cuối phiên 5/8. Trên sàn Singapore, quặng sắt giao cùng kỳ hạn tăng 0.1% lên 111.75 USD/tấn.
- Giá thép tại Trung Quốc tăng đang kích lệ các nhà máy thép nước này gia tăng công suất sản xuất thép, khiến nhu cầu nguyên liệu – quặng sắt – tăng theo.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) tăng 1.8 JPY (1.1%) lên 170.3 JPY/kg, mức cao nhất kể từ đầu tháng 3. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9 tăng 35 CNY lên 12,190 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 giảm 0.24 US cent (1.9%) xuống 12.54 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 10 giảm 5.4 USD (1.4%) xuống 369.2 USD/tấn. Thị trường đường đang được hưởng những thông tin tích cực về nhu cầu và triển vọng không chắc chắn về nguồn cung của Ấn Độ, Thái Lan và Châu Âu trong thời gian tới.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2020 tăng 0.5 US cent (0.4%). Cà phê robusta giao cùng kỳ hạn giảm 25 USD (1.8%) xuống 1,379 USD/tấn. Tổ chức Cà phê Quốc tế đã điều chỉnh dự báo về cung – cầu mặt hàng này trên toàn cầu trong mùa vụ 2019/20, theo đó dự báo sẽ thiếu hụt 486,000 bao (1 bao = 60 kg).

	6/8	% 6/8	5/8	% 5/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	840.04	0.27%	837.80	1.24%	4.86%	-2.71%
S&P 500			3,327.77	0.64%	2.13%	4.66%
S&P500 Futures	3,317.25	0.04%	3,316.00	0.48%	2.11%	5.76%
Shang- hai	3,386.46	0.26%	3,377.57	0.17%	3.03%	1.23%
Euro Stoxx	3,258.10	-0.31%	3,268.38	0.43%	1.56%	-1.91%

Phân tích kỹ thuật

LCG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: LCG đang ở trong trạng thái tăng giá ngắn hạn với sáu phiên tăng điểm liên tiếp, và dễ dàng vượt qua mốc 8.0. Thanh khoản cổ phiếu trong phiên hôm nay có sự cải thiện đáng kể, và đã vượt lên trên khối lượng giao dịch trung bình của 20 phiên gần nhất. Các chỉ báo kỹ thuật đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo MACD vừa xuất hiện Golden Cross, đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn trong xu hướng tăng, nhưng chưa đạt tới vùng quá mua nên cổ phiếu được kỳ vọng có thể duy trì đà tăng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của LCG nằm tại khu vực 8.0-8.1. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 11.2, cắt lỗ nếu ngưỡng 7.4 bị xuyên thủng.



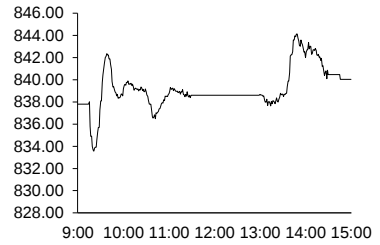
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

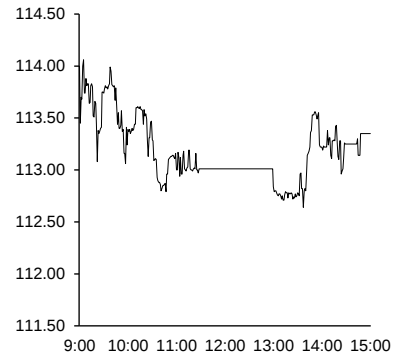
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Thực phẩm và đồ uống	1.82%
Ô tô và phụ tùng	1.30%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.95%
Truyền thông	0.92%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.70%
Dầu khí	0.70%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.63%
Bất động sản	0.18%
Du lịch và Giải trí	0.14%
Bán lẻ	0.13%
Tài nguyên Cơ bản	0.09%
Viễn thông	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	-0.14%
Y tế	-0.24%
Dịch vụ tài chính	-0.27%
Công nghệ Thông tin	-0.34%
Hóa chất	-0.46%
Bảo hiểm	-0.48%
Ngân hàng	-0.53%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

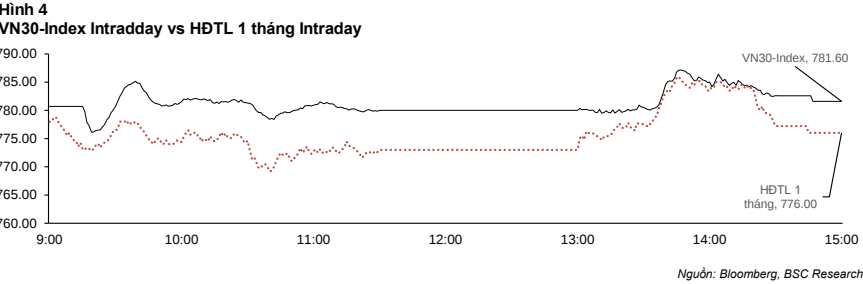
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	23.75	2	3.04%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	76.5	3	9.13%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	32.5	7	5.18%	Có thể tiếp tục mua
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	13.9	8	17.80%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.3	36	-3.91%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/26/2020	DGC	39.6	42	33	37.6	41	-5.05%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	29.5	43	-3.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.05	49	9.67%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	79.6	51	6.28%	Có thể tiếp tục mua
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	35.75	62	-3.90%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	SL	18	-4.92%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	SL	21	-3.85%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%
Chú thích: Thống kê 20 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	4	8.51%	-4.18%	3.44%	30
Cổ phiếu đã chốt	12	22	11.93%	-8.34%	-1.18%	13

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	776.00	-0.19%	-5.60	14.0%	262,783	8/20/2020	14
VN30F2009	772.20	-0.23%	-9.40	15.8%	1,499	9/17/2020	42
VN30F2012	767.00	-0.23%	-14.60	-14.4%	143	12/17/2020	133
VN30F2103	761.50	-0.72%	-20.10	-48.4%	32	3/18/2021	224

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 0.89 điểm lên mức 781.60 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, SAB, VJC, VIC và HDB tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Diễn biến chỉ số VN30 trong phiên khá biến động với sự tăng giảm nhẹ quanh mức tham chiếu. Xu hướng tăng ngắn hạn của VN30 bắt đầu có dấu hiệu yếu đi khi khối lượng các phiên gần đây giảm, VN30 có thể giảm co quanh kháng cự 780 điểm trong các phiên sắp tới trước khi xác định xu hướng rõ ràng hơn.

- Tất cả 4 HĐTL đều giảm điểm, đi ngược lại với sự tăng điểm của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2008 và VN30F2009 tăng, trong khi 2 hợp đồng còn lại là VN30F2012 và VN30F2103 giảm. Xét về vị thế mở, cũng diễn biến như khối lượng giao dịch là có sự tăng lên với VN30F2008, VN30F2009 và sự sụt giảm đối với VN30F2012, VN30F2103. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng-775 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2003	9/4/2020	29	10:1	422,630	33.92%	1,450	2,380	16.10%	2,121	1.12	107,280	92,780	114,800
CVNM2004	11/30/2020	116	1:1	28,050	33.92%	17,500	11,260	12.83%	8,101	1.39	133,973	116,473	114,800
CVNM2002	12/16/2020	132	5:1	509,480	33.92%	3,200	900	11.11%	490	1.84	155,285	139,285	114,800
CHDB2006	10/8/2020	63	2:1	296,270	41.41%	2,180	1,600	8.84%	1,292	1.24	29,060	24,700	26,000
CREE2004	10/23/2020	78	3:1	274,060	28.88%	1,570	2,030	2.01%	1,733	1.17	34,210	29,500	34,150
CHPG2005	10/1/2020	56	1:1	35,630	38.72%	2,100	10,400	1.96%	5,263	1.98	21,100	19,000	24,050
CHPG2002	12/16/2020	132	2:1	299,290	38.72%	1,700	1,900	1.60%	324	5.86	33,399	29,999	24,050
CNVL2001	12/16/2020	132	4:1	341,280	17.67%	2,300	2,120	1.44%	704	3.01	75,088	65,888	64,900
CHPG2011	10/20/2020	75	2:1	349,610	38.72%	2,350	2,840	0.00%	649	4.37	29,900	25,200	24,050
CVHM2003	10/29/2020	84	10:1	237,200	38.79%	1,000	1,380	0.00%	1,217	1.13	80,000	70,000	79,600
CFPT2003	11/9/2020	95	1:1	38,400	33.39%	7,300	8,240	-0.36%	2,132	3.86	57,300	50,000	46,800
CVHM2002	11/30/2020	116	1:1	94,090	38.79%	11,500	10,290	-0.39%	8,808	1.17	88,500	77,000	79,600
CHPG2009	10/29/2020	84	2:1	273,190	38.72%	1,600	3,790	-1.04%	1,379	2.75	25,700	22,500	24,050
CHPG2010	4/5/2021	242	4:1	440,990	38.72%	1,800	1,350	-1.46%	213	6.34	40,300	33,100	24,050
CHPG2008	11/30/2020	116	1:1	249,260	38.72%	4,100	3,860	-1.53%	904	4.27	32,100	28,000	24,050
CHPG2015	3/1/2021	207	1:1	74,060	38.72%	6,700	6,370	-1.85%	2,099	3.04	33,200	26,500	24,050
CFPT2004	8/10/2020	4	1:1	108,670	33.39%	5,100	4,880	-2.01%	20	246.22	55,100	50,000	46,800
CFPT2007	10/23/2020	78	5:1	211,250	33.39%	1,690	1,240	-2.36%	1,005	1.23	51,950	43,500	46,800
CVHM2001	12/16/2020	132	5:1	200,710	38.79%	3,100	1,300	-7.14%	606	2.15	110,067	94,567	79,600
CSTB2005	11/3/2020	89	2:1	501,540	43.37%	1,080	490	-9.26%	236	2.08	13,971	11,811	10,500
Tổng				4,985,660	35.65%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/8/2020, chứng quyền và chứng khoán cơ sở đều có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.
- Về giá, CVNM2003 và CVNM2004 tăng mạnh lần lượt là 16.10% và 12.83%. Trái lại, CVHM2001 và CTCB2005 giảm mạnh lần lượt là -7.14% và -6.67%. Giá trị giao dịch tăng 7.54%. CHPG2009 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.74% thị trường.
- CVPB2005, CVPB2006, CVRE2005, CVPB2007, và CTCB2004 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVHM2002, và CVNM2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	79.3	0.1%	1.2	1,561	1.9	8,348	9.5	2.5	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	55.6	1.3%	1.3	544	1.5	4,629	12.0	2.7	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	45.4	-1.4%	1.3	1,464	0.9	1,640	27.7	1.7	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	31.0	0.6%	0.4	301	0.0	2,654	11.7	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	87.5	0.6%	0.8	12,868	1.3	2,255	38.8	3.7	13.9%	9.3%
VRE	Bất động sản	26.4	0.0%	1.1	2,603	2.4	1,057	24.9	2.2	30.9%	8.9%
VHM	Bất động sản	79.6	0.0%	1.3	11,385	3.7	6,784	11.7	3.8	20.2%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.5	-1.6%	1.3	213	1.0	1,672	5.7	0.7	38.3%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.4	-1.0%	1.3	375	2.6	1,718	8.4	0.9	49.2%	10.7%
VCI	Chứng khoán	21.4	-0.9%	1.0	152	0.3	4,110	5.2	0.9	29.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.3	-0.9%	1.7	229	1.1	1,608	10.7	1.2	51.1%	11.5%
FPT	Công nghệ	46.8	-0.4%	0.8	1,595	2.4	4,280	10.9	2.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	47.3	-0.2%	0.4	512	0.0	4,812	9.8	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	69.5	1.3%	1.4	5,783	1.9	5,138	13.5	2.5	3.2%	20.4%
PLX	Dầu khí	44.6	0.3%	1.5	2,338	0.8	441	101.1	2.8	14.6%	3.2%
PVS	Dầu khí	11.9	1.7%	1.5	247	3.4	1,301	9.1	0.5	11.4%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.4	3.2%	0.8	863	0.8	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	96.9	-0.1%	0.5	551	0.0	5,044	19.2	4.0	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	13.6	-1.4%	0.5	231	0.9	1,586	8.6	0.7	10.7%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.2	-1.6%	0.5	189	0.4	709	11.6	0.7	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	82.8	0.1%	1.1	13,352	2.9	4,915	16.8	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	38.3	-1.3%	1.4	6,689	1.0	2,153	17.8	2.0	17.7%	12.5%
CTG	Ngân hàng	22.4	-1.1%	1.2	3,626	2.8	2,995	7.5	1.0	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	21.4	-0.7%	1.2	2,263	2.8	4,126	5.2	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	16.4	-1.2%	1.0	1,714	2.2	3,497	4.7	0.9	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	23.8	-0.8%	1.0	1,721	1.9	3,750	6.3	1.3	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	51.3	-0.4%	0.9	183	0.2	5,760	8.9	1.6	82.0%	18.9%
NTP	Nhựa	29.0	-0.3%	0.4	149	0.0	3,348	8.7	1.3	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	-1.3%	0.4	637	0.0	356	41.6	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	24.1	-0.2%	1.1	3,465	14.4	2,632	9.1	1.5	35.7%	18.1%
HSG	Thép	10.7	0.5%	1.5	207	4.7	1,767	6.1	0.8	10.3%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	114.8	2.4%	0.8	8,692	6.8	5,538	20.7	6.6	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	182.5	3.7%	0.8	5,088	1.7	6,328	28.8	6.3	63.3%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	53.9	-2.0%	1.0	2,739	2.8	3,255	16.6	2.7	38.7%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.3	-0.7%	0.8	364	2.6	561	25.4	1.2	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	53.5	-0.7%	0.8	5,064	0.4	3,450	15.5	3.2	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	101.0	1.2%	1.1	2,300	1.6	3,465	29.1	3.5	18.0%	12.4%
HVN	Vận tải	23.8	-1.0%	1.7	1,465	0.8	(3,853)	N/A	N/A	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	20.5	0.5%	0.8	264	0.5	1,377	14.9	1.0	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	10.2	0.0%	1.1	125	0.5	2,007	5.1	0.6	22.7%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.5	-0.5%	1.0	408	0.5	8,219	7.4	2.8	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.1	0.0%	0.7	392	0.2	1,362	14.8	1.4	9.9%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	0.7%	1.0	226	0.2	1,937	7.0	0.9	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	76.5	-0.1%	1.0	254	2.3	8,467	9.0	0.7	45.9%	7.9%
CII	Xây dựng	17.4	-2.0%	0.3	180	0.7	1,615	10.7	0.8	36.4%	8.0%
REE	Điện	34.2	0.1%	-1.4	460	0.5	4,780	7.1	1.0	49.0%	14.8%
PC1	Điện	17.8	-0.8%	-0.4	123	0.2	2,178	8.1	0.8	16.6%	9.9%
POW	Điện	9.5	-0.9%	0.6	962	1.3	925	10.2	0.8	11.5%	8.0%
NT2	Điện	21.8	0.5%	0.6	272	0.5	2,685	8.1	1.4	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.2	0.0%	0.8	270	0.9	1,242	10.6	0.7	20.9%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	28.9	-1.4%	0.9	1,301	0.0	2,332	12.4	2.0	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	114.80	2.41	1.34	1.36MLN
SAB	182.50	3.69	1.19	213840.00
GAS	69.50	1.31	0.49	640610.00
VIC	87.50	0.57	0.48	332340.00
VJC	101.00	1.20	0.19	362410.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-0.57	597260.00	1.11MLN
MSN	0.00	-0.37	1.18MLN	607060.00
CTG	0.00	-0.27	2.86MLN	373600.00
TCB	0.00	-0.25	1.86MLN	192700.00
MBB	0.00	-0.14	3.05MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVC	85.60	7.00	0.04	1390.00
DAT	70.40	6.99	0.06	220.00
PIT	3.98	6.99	0.00	6600.00
VPS	14.55	6.99	0.01	3510.00
CDC	27.00	6.93	0.01	790.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TYA	14.30	-17.34	-0.01	111240.00
RDP	6.82	-6.96	-0.01	8960.00
PJT	10.25	-6.82	0.00	1450.00
CIG	1.86	-6.53	0.00	9910.00
TDW	21.50	-6.52	0.00	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	8.60	2.38	0.08	3.40MLN
PVS	11.90	1.71	0.05	6.57MLN
VIF	17.40	3.57	0.02	3600.00
DST	6.60	10.00	0.02	1.21MLN
DNM	64.30	8.43	0.02	181700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.80	-0.83	-0.33	1.87MLN
SHB	12.80	-0.78	-0.15	2.23MLN
OCH	7.60	-9.52	-0.07	300.00
SHS	10.30	-1.90	-0.04	1.64MLN
S99	18.60	-3.63	-0.03	402200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

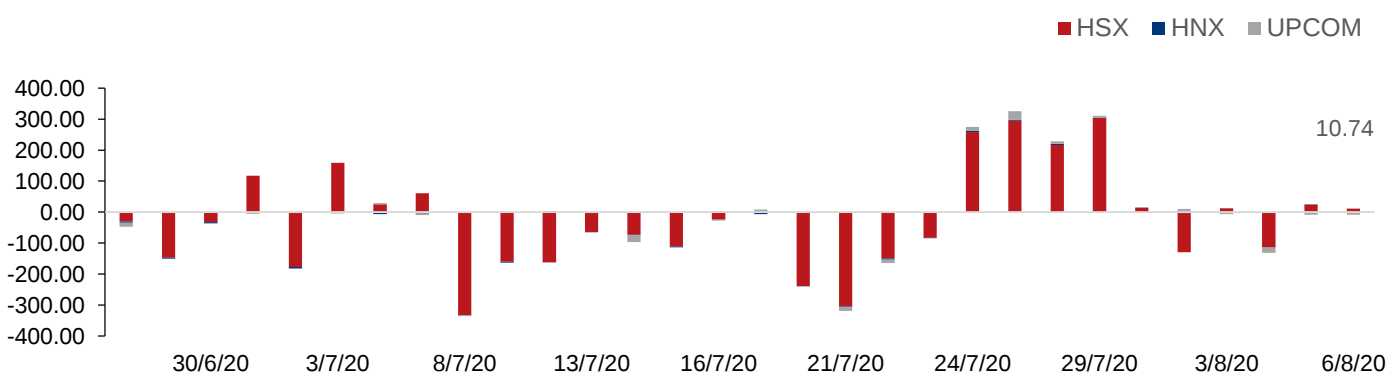
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.80	14.3	0.00	694600.00
FID	1.00	11.1	0.00	100.00
DST	6.60	10.0	0.02	1.21MLN
MAC	5.50	10.0	0.01	64600.00
HLC	7.80	9.9	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	-14.29	-0.01	253300.00
BCF	45.00	-10.00	-0.03	900.00
HVT	32.10	-9.83	-0.01	1200.00
VC7	4.60	-9.80	-0.01	10900.00
DBT	10.30	-9.65	-0.01	700.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.7	3,321	7.7	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	21.4	4,126	5.2	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	47.5	9,642	4.9	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	53.9	3,255	16.6	2.7	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	37.6	5,365	7.0	1.3	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	10.7	1,767	6.1	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.5	5,479	7.9	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	26.8	1,902	14.1	2.2	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	24.1	2,632	9.1	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.2	3,103	6.2	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	55.6	4,629	12.0	2.7	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	125.3	5,718	21.9	7.7	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	9.5	1,672	5.7	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.0	1,721	9.9	1.0	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.6	7,132	2.9	1.1	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.1	5,227	4.0	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	42.9	4,761	9.0	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.8	4,915	16.8	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.8	3,750	6.3	1.3	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.8	5,465	6.5	1.2	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	52.7	5,877	9.0	2.4	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	46.8	4,280	10.9	2.5	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	20.5	1,377	14.9	1.0	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.2	1,242	10.6	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	182.5	6,328	28.8	6.3	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	24.8	2,041	12.1	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	114.8	5,538	20.7	6.6	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.5	1,407	8.2	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	79.3	8,348	9.5	2.5	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.0	2,048	7.8	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	96.9	5,044	19.2	4.0	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.2	2,007	5.1	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	55.6	4,629	12.0	2.7	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	31.3	4,313	7.3	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	209.8	14,782	14.2	5.8	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	10.2	0	18.4	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	8.9	1,671	5.3	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	17.8	2,178	8.1	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	26.0	-218	#N/A	2.7	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	29.5	2,986	9.9	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
34	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		x	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express MSN 2020Q3	4/8/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 71000; Giá tại Publish 52000 Cập nhật KQKD: Lũy kế 6M2020, DTT và LNST của MSN đạt lần lượt là 35,404 tỷ đồng (+103.3% YoY) và -161.9 tỷ đồng (-107.4% YoY) qua đó hoàn thành được 47% kế hoạch DT và chưa hoàn thành được kế hoạch LNST là 1,000 tỷ trong kịch bản thấp 2020.
Express IMP 2020Q3	7/28/2020	Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNNT đạt 260 tỷ (+28% YoY). Cập nhật KQKD: Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện). Trong Q2, OTC giảm trên 30% YoY do (i) Q2 người dân chủ yếu trữ tiền, khẩu trang, hạ đầu giảm sút (ii) người dân ở nhà nên sức khỏe duy trì.
Express VHC 2020Q3	7/22/2020	Cập nhật KQKD: Collagen : đi cùng vs thị trường bán cá, ngoài ra có Nhật Bản, Thái (nh nhất vẫn là EU) 3 năm thử nghiệm trial n error về sp, nhà máy. Duy nhất tại VN có C&G và trên thế giới từ đầu đến cuối: nguyên liệu đầu vào da cá (để ý khâu lách da - cos KPI cho công nhân).
Express C4G 2020Q3	7/21/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 9000; Giá tại Publish 8000 Catalyst: Tăng tốc giải ngân cho các dự án cao tốc Bắc Nam Hiện tại, 5 dự án PPP BOT cao tốc Bắc Nam đã xong bước sơ tuyển hồ sơ và các nhà đầu tư bước vào giai đoạn chuẩn bị hồ sơ đấu thầu dự kiến thời gian mời thầu từ giờ tới tháng 18/9/2020 và khởi công vào đầu năm 2021.
Express MPC 2020Q3	7/20/2020	Khuyến nghị THEO DÕI Cập nhật KQKD: 6T.2020 kim ngạch xuất khẩu 227 triệu USD (-17% YoY), sản lượng đạt 20,642 tấn (-19% YoY); trong đó: Mỹ 37 triệu USD (-67%) , EU 23 triệu USD (-39% YoY) , Hàn Quốc: 12 triệu USD (-33%) LNNT 6T đạt 244 tỷ (+35% YoY), tương đương Q2 đạt 175 tỷ (+62% YoY).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiep

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn